

I. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức

- Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên.
- Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống.
- Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên (các dụng cụ đo chiều dài, thể tích, thời gian ...)
- Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành.
- Nêu được một số loại kính lúp, kính hiển vi; cấu tạo và ứng dụng của kính lúp, kính hiển vi
- Nêu được cách sử dụng và bảo quản kính lúp, kính hiển vi
- Tìm hiểu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo chiều dài, đo khối lượng, đo thời gian, nhiệt độ.
- Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh...).
- Nêu được một số tính chất vật lý và tính chất hóa học của chất.
- Trình bày được một số đặc điểm cơ bản ba thể (rắn, lỏng, khí) thông qua quan sát.
- Nêu được ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất.
- Nêu được khái niệm về sự nóng chảy, sự đông đặc, sự ngưng tụ, sự hóa hơi (sự bay hơi và sự sôi).
- Trình bày được quá trình diễn ra sự chuyển thể: nóng chảy, đông đặc; bay hơi, ngưng tụ; sôi.
- Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan...).
- Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu.
- Nêu được thành phần, vai trò của không khí.
- Trình bày được nguyên nhân, hậu quả của ô nhiễm không khí và nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí.

2. Định hướng phát triển năng lực

- Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu.
- Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống.
- Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành.
- Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành.
- Nêu được một số loại kính lúp, cấu tạo và ứng dụng của kính lúp, kính hiển vi
- Nêu được cách sử dụng và bảo quản kính lúp, kính hiển vi
- Đo được chiều dài, khối lượng, thời gian, nhiệt độ (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số).
- Giải thích được ứng dụng của một số chất ở ba thể trong thực tiễn dựa trên cơ sở một số tính chất của chúng.
- Vận dụng kiến thức về tính chất vật lý của oxygen để giải thích một số hiện tượng trong thực tế (cá và nhiều sinh vật sống được trong nước, phải bơm sục không khí trong các bể nuôi cá cảnh...).

3. Phẩm chất

- Góp phần hình thành và phát triển cho học sinh thế giới quan khoa học; sự tự tin, khách quan và trách nhiệm khi tiến hành và quan sát các thí nghiệm.
- Hình thành cho học sinh sự tự tin, tính trung thực và tinh thần trách nhiệm khi thực hiện các phép đo.
- Nâng cao nhận thức cho học sinh về việc sử dụng vật liệu, nguyên liệu, nhiên liệu tiết kiệm và không sử dụng các vật liệu gây hại cho môi trường.
- Nâng cao nhận thức cho học sinh về bảo vệ và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường

KHUNG MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6

1) Khung ma trận

- Thời điểm kiểm tra: Tuần 9 từ 28/10/2024 – 08/11/2024
- Thời gian làm bài: 90 phút.
- Hình thức kiểm tra: Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 70% trắc nghiệm, 30% tự luận).
- Cấu trúc:
 - Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.
 - Phần trắc nghiệm: 7,0 điểm (gồm 28 câu hỏi: nhận biết: 12 câu, thông hiểu: 12 câu, Vận dụng: 4 câu), mỗi câu 0,25 điểm;
 - Phần tự luận: 3,0 điểm (Nhận biết: 1,0 điểm; Vận dụng: 1,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm).

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số câu		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	
1. Mở đầu (7 tiết)		4		8						12	3,0
2. Các phép đo (9 Tiết)		4		2	1	2	1		2	8	4,0
3. Các thể (trạng thái) của chất. Oxygen (oxi) và không khí (7 tiết)	1	4		2		2			1	8	3,0
Số câu/ số ý	1	12		12	1	4	1		3	28	10,0
Điểm số	1,0	3,0		3,0	1,0	1,0	1,0	0	3,0	7,0	10
Tổng số điểm	4,0 điểm		3,0 điểm		2,0 điểm		1,0 điểm		10 điểm		10điểm
Tỉ lệ phần trăm	40%		30%		20%		10%		100%		100%

2) Bản đặc tả

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi		
			TL	TN	TL	TN	
1. Mở đầu (7 tiết)							
- Giới thiệu về Khoa học tự nhiên. Các lĩnh vực chủ yếu của Khoa học tự nhiên - Giới thiệu một số dụng cụ đo và quy tắc an toàn trong phòng thực hành	Nhận biết						
		– Nêu được thế nào là hiện tượng tự nhiên, khái niệm Khoa học tự nhiên.		1		C1a PIII	
		– Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành.		1		C1 PI	
		– Nêu được cấu tạo và công dụng của kính lúp, kính hiển vi		2		C1 c,d PIII	
	Thông hiểu						
		– Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu.		4		C1 (PII)	
		– Phân biệt các đối tượng sử dụng kính lúp, kính hiển vi để quan sát và công dụng các bộ phận của kính hiển vi		2		C3,4 PI	
		– Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống.		1		C5 PI	
		– Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành.		1		C1b PIII	
	Vận dụng						
– Biết cách sử dụng và bảo quản kính lúp và kính hiển vi quang học.							
– Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành.							
	– Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống.						
2. Các phép đo (9 tiết)							
- Đo chiều dài, khối lượng và thời gian - Thang nhiệt độ Celsius, đo nhiệt độ	Nhận biết						
		- Nêu được cách đo chiều dài, khối lượng, thời gian, nhiệt độ.		2		C5,6 PI	
		- Nêu được đơn vị đo chiều dài, khối lượng, thời gian, nhiệt độ.		1		C2d (PII)	
		- Nêu được dụng cụ thường dùng để đo chiều dài, khối lượng, thời gian, nhiệt độ.		1		C2c (PII)	
		– Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật.					
	Thông hiểu						
- Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng (chiều dài, khối lượng, thời gian, nhiệt độ)							

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
		- Chọn được dụng cụ đo thích hợp trong các phép đo		2		C2 a,b (PII)
		– Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius.				
		– Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ.				
		– Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo.				
		Vận dụng bậc thấp	- Ước lượng được khối lượng, chiều dài, thời gian, nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản.	1		C1
	- Dùng thước (cân, đồng hồ) để chỉ ra một số thao tác sai khi đo và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó.					
	– Thực hiện đúng thao tác để đo được chiều dài (khối lượng, thời gian, nhiệt độ) bằng thước (cân đồng hồ, đồng hồ, nhiệt kế) (không yêu cầu tìm sai số) và cho kết quả đáng tin cậy.			2		C7,8 PI
	Vận dụng bậc cao	Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai về chiều dài (khối lượng, thời gian, nhiệt độ) khi quan sát một số hiện tượng trong thực tế ngoài ví dụ trong sách giáo khoa.				
		- Thiết lập được biểu thức quy đổi nhiệt độ từ thang nhiệt độ Celsius sang thang nhiệt độ Fahrenheit, Kelvin và ngược lại.	1		C3	
	3. Các thể (trạng thái) của chất. Oxygen (oxi) và không khí (7 tiết)					
– Sự đa dạng của chất – Ba thể (trạng thái) cơ bản của – Sự chuyển đổi thể (trạng thái) của chất	Nhận biết	Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh)				
		– Nêu được chất có ở xung quanh chúng ta.				
		– Nêu được chất có trong các vật thể tự nhiên.		1		C9 PI
		- Nêu được chất có trong các vật thể nhân tạo.				
		- Nêu được chất có trong các vật vô sinh.				
		- Nêu được chất có trong các vật hữu				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
		sinh.				
		Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc.				
		– Nêu được khái niệm về sự nóng chảy				
		– Nêu được khái niệm về sự sôi.				
		– Nêu được khái niệm về sự bay hơi.				
		– Nêu được khái niệm về sự ngưng tụ.				
		– Nêu được khái niệm về sự đông đặc.				
		- Nhận biết một số hiện tượng biến đổi chất trong tự nhiên	1		C2	
		– Nêu được tính chất vật lí, tính chất hoá học của chất.		2		C2 a,b PIII
		– Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước).		1		C2c PIII
	Thông hiểu	- Nêu được chất có trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh.				
		– Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất.				
		- So sánh được khoảng cách giữa các phân tử ở ba trạng thái rắn, lỏng và khí.				
		– Nêu được đặc điểm quá trình diễn ra sự nóng chảy.				
		– Nêu được đặc điểm quá trình diễn ra sự đông đặc.				
		– Nêu được đặc điểm quá trình diễn ra sự bay hơi.				
		– Nêu được đặc điểm quá trình diễn ra sự ngưng tụ.				
		– Nêu được đặc điểm quá trình diễn ra sự sôi.				
		– Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan, ...).		1		C10 PI
		– Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu.				
		– Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí.				
		- Nêu được vai trò của không khí với tự nhiên		1		C2d PIII
	Vận					

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
	dụng	– Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển trạng thái từ thể rắn sang thể lỏng của chất và ngược lại.				
		– Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển trạng thái từ thể lỏng sang thể khí.				
		– Tiến hành được thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích của oxygen trong không khí.				
		– Trình bày được một số đặc điểm cơ bản thể rắn, lỏng, khí.		1		C11 PI
		– Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên.				
		– Trình bày được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm.		1		C12 PI
	Vận dụng cao	- Dự đoán được tốc độ bay hơi phụ thuộc vào 3 yếu tố: nhiệt độ, mặt thoáng chất lỏng và gió. - Đưa ra được biện pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm không khí. - Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí.				

3) Đề kiểm tra

TRƯỜNG THCS ĐỨC GIANG

Mã đề:

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6
NĂM HỌC 2024 - 2025
Thời gian làm bài: 90 phút

A. TRẮC NGHIỆM: 7,0 điểm

PHẦN I: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Để đảm bảo an toàn trong phòng thực hành cần thực hiện nguyên tắc nào dưới đây?

- A. Làm thí nghiệm theo sự hướng dẫn của bàn bè trong lớp.
- B. Có thể nhận biết hóa chất bằng cách ngửi hóa chất.
- C. Mang đồ ăn vào phòng thực hành.
- D. Đọc kĩ nội quy và thực hiện theo nội quy phòng thực hành.

Câu 2: Ta dùng kính lúp để quan sát

- A. Trận bóng đá trên sân vận động
- B. Một con ruồi
- C. Các chi tiết máy của đồng hồ đeo tay
- D. Kích thước của tế bào virus

Câu 3: Hệ thống điều chỉnh của kính hiển vi bao gồm các bộ phận:

- A. Ốc to và ốc nhỏ.
- B. Thân kính và chân kính.
- C. Vật kính và thị kính.
- D. Đèn chiếu sáng và đĩa quay gắn các vật kính.

Câu 4: Vật nào sau đây là vật sống?

- A. Con robot
- B. Con gà
- C. Lọ hoa
- D. Hòn đá

Câu 5: Phát biểu nào sau đây không thuộc các bước đo chiều dài?

- A. Chọn thước đo thích hợp.
- B. Đặt thước dọc theo chiều dài vật cần đo.
- C. Đặt vạch số 0 ngang với một đầu của thước.
- D. Đeo kính để đọc số đo chiều dài vật.

Câu 6: Khi dùng nhiệt kế để đo nhiệt độ từ chính cơ thể mình, người ta phải thực hiện các thao tác sau (chưa được sắp xếp theo đúng thứ tự) :

- a) Đặt nhiệt kế vào nách trái, rồi kẹp cánh tay lại để giữ nhiệt kế.
- b) Lấy nhiệt kế ra khỏi nách để đọc nhiệt độ.
- c) Dùng bông lau sạch thân và bầu nhiệt kế.
- d) Kiểm tra xem thủy ngân đã tụt hết xuống bầu nhiệt kế chưa, nếu chưa thì vẩy nhiệt kế cho thủy ngân tụt xuống.

Hãy sắp xếp các thao tác trên theo thứ tự hợp lí nhất.

- A. d, c, a, b.
- B. a, b, c, d.
- C. b, a, c, d.
- D. d, c, b, a

Câu 7: Để đo thể tích của một chất lỏng còn gần đầy chai 1 lít, ta sẽ chọn bình chia độ nào sau đây?

- A. Bình 100 ml và có vạch chia tới 1 ml
- B. Bình 500 ml và có vạch chia tới 5 ml
- C. Bình 1000 ml và có vạch chia tới 5 ml
- D. Bình 2000 ml và có vạch chia tới 10 ml

Câu 8: Cân một túi hoa quả, kết quả là 14 533g. Độ chia nhỏ nhất của cân đã dùng là

- A. 10g
- B. 3g
- C. 1g
- D. 5g

Câu 9: Dây gồm các vật thể tự nhiên là:

- A. Con mèo, xe máy, con người
- B. Con sư tử, đồi núi, mũ cao su
- C. Bánh mì, nước ngọt có gas, cây cối
- D. Cây cam, quả nho, bánh ngọt

Câu 10: Tính chất nào sau đây **không phải** của oxygen?

- A. Oxygen là chất khí ở nhiệt độ phòng.
- B. Không màu, không mùi, không vị
- C. Tan nhiều trong nước.
- D. Nặng hơn không khí.

Câu 11: Một số chất khí có mùi thơm tỏa ra từ bông hoa hồng làm ta có thể ngửi thấy mùi hoa thơm. Điều này thể hiện tính chất nào của thể khí?

- A. Dễ dàng nén được
- B. Không có hình dạng xác định
- C. Có thể lan tỏa trong không gian theo mọi hướng
- D. Không chảy được

Câu 12: Các tác nhân chủ yếu gây ô nhiễm môi trường là gì?

1. Các khí thải từ hoạt động công nghiệp và sinh hoạt
2. Hoá chất bảo vệ thực vật và chất độc hoá học
3. Các chất phóng xạ
4. Các chất thải rắn
5. Các chất thải do hoạt động xây dựng (vôi, cát, đất, đá...)
6. Ô nhiễm do sinh vật gây bệnh
7. Các chất độc hại sinh ra trong chiến tranh

Phương án đúng là:

- A. 1, 2, 3, 4, 6 B. 1, 2, 3, 5, 6 C. 2, 3, 4, 5, 7 D. 1, 3, 4, 6, 7

PHẦN II: Câu trắc nghiệm đúng, sai. Trong mỗi ý a, b, c, d thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Khoa học tự nhiên (KHTN) là một nhánh của khoa học, nghiên cứu các hiện tượng tự nhiên, tìm ra các tính chất, quy luật của chúng.

- a. KHTN nghiên cứu về tâm sinh lí của lứa tuổi học sinh.
- b. Nông dân đã ứng dụng lĩnh vực Sinh học của KHTN vào xử lí đất chua bằng vôi bột.
- c. Nghiên cứu vacxin phòng Covid 19 thể hiện vai trò bảo vệ sức khoẻ và cuộc sống của KHTN
- d. Vật lý học là một lĩnh vực của KHTN nghiên cứu về lực, chuyển động và năng lượng.

Câu 2: Trong một buổi kiểm tra sức khoẻ định kì tại trường, An đo được chiều cao là 135,6; cân nặng là 42,5 và nhiệt độ cơ thể là 36,5. Trong khi kiểm tra bác sĩ đã sử dụng:

- a. Thước thẳng có ĐCNN 0,1cm để đo chiều cao.
- b. Cân có GHĐ 5000g để đo cân nặng.
- c. Nhiệt kế y tế để đo nhiệt độ cơ thể.
- d. Đơn vị đo chiều cao là m.

PHẦN III: Câu trắc nghiệm trả lời ngắn

Câu 1: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống:

- a. Các chuyển động và biến đổi trong tự nhiên gọi làtự nhiên.
- b. Kí hiệu cảnh báo có hình tròn, viền đỏ, nền trắng, hình vẽ màu đen.
- c. Sử dụng kính lúp có thể phóng to ảnh ở khoảng từ lần.
- d. Hệ thống phóng đại của kính hiển vi

Câu 2: Trả lời các câu hỏi sau:

- a. Hiện tượng để đồ vật có chứa sắt như đinh, búa., dao, ... ngoài không khí ẩm một thời gian sẽ thấy xuất hiện lớp gỉ sắt màu nâu, xốp, không có ánh kim thể hiện tính chất gì của chất?
- b. Hiện tượng nến cháy thành khí carbon dioxide và hơi nước thể hiện tính chất gì của chất?
- c. Chất chiếm 78% thành phần không khí là chất gì?
- d. Carbon dioxide cần cho quá trình nào?

B. TỰ LUẬN: 3,0 điểm

Câu 1. (1,0 điểm): Bạn An thực hiện các phép đo sau:

- a. Dùng cân rô béc van để đo khối lượng của một túi đường, khi cân thăng bằng An thấy ở đĩa cân bên trái có 1 quả cân 200g, 2 quả cân 100g và 3 quả cân 50g còn ở đĩa cân bên phải đặt một túi đường và một quả cân 20g. Hỏi khối lượng túi đường bằng bao nhiêu?

- b. Dùng một bình chia độ có ĐCNN là 1cm^3 chứa 55cm^3 nước để đo thể tích của các viên bi. Khi thả 5 viên bi vào bình, mực nước trong bình dâng lên tới vạch 250cm^3 . Hỏi thể tích mỗi viên bi bằng bao nhiêu?
- c. Tại một nhà máy sản xuất bánh kẹo, An có thể đóng gói 1 410 viên kẹo mỗi giờ. Bình có thể đóng 408 hộp trong 8 giờ làm việc mỗi ngày. Nếu mỗi hộp chứa 30 viên kẹo, thì ai là người đóng gói nhanh hơn?
- d. Đo nhiệt độ bằng nhiệt kế bị mất vạch chia độ, biết chiều dài của cột thủy ngân trong nhiệt kế là 2 cm khi nhiệt độ ở 0°C và 22cm khi nhiệt độ ở 100°C . Chiều dài cột thủy ngân đang là 20cm, tính nhiệt độ lúc này?

Câu 2. (1,0 điểm): Nhận biết sự biến đổi của chất trong các hiện tượng sau và giải thích tại sao?

- a. Kem khi bỏ ra khỏi tủ lạnh sẽ tan.
- b. Giọt sương đọng trên cánh lá vào sáng sớm.
- c. Phơi nước biển dưới ánh nắng mặt trời, ta thu được muối.
- d. Mặt sông, hồ bị đóng băng vào mùa đông.

Câu 3. (1,0 điểm): Trong bản dự dự báo thời tiết ngày 20/10/2024 cho biết:

- Nhiệt độ ở TP Hà Nội từ 24°C đến 32°C
- Nhiệt độ ở TP Đà Lạt từ 15°C đến 23°C

Các nhiệt độ trên tương ứng với bao nhiêu độ theo thang đo nhiệt độ Farenhai?

4) Hướng dẫn chấm

TRƯỜNG THCS ĐỨC GIANG

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
Môn: KHTN 6
Năm học: 2024 - 2025
Thời gian làm bài: 90 phút

A. TRẮC NGHIỆM: 7,0 điểm (đúng mỗi câu được 0,25 điểm)

PHẦN I: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi chỉ chọn một phương án.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
ĐA	D	C	A	B	D	A	C	C
Câu	9	10	11	12				
ĐA	B	C	C	A				

PHẦN II: Câu trắc nghiệm đúng, sai. Trong mỗi ý a, b, c, d thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1	a	b	c	d
ĐA	S	S	Đ	Đ
Câu 2	a	b	c	d
ĐA	Đ	S	Đ	S

PHẦN III: Câu trắc nghiệm trả lời ngắn

Câu 1	a	b	c	d
ĐA	hiện tượng	cắm	3 đến 20	vật kính
Câu 2	a	b	c	d
ĐA	Vật lý	Hoá học	Nitrogen	Quang hợp

II. TỰ LUẬN: 3,0 điểm

Câu	Ý	Hướng dẫn chấm	Điểm
Câu 1 (1,0 điểm)	a	Khối lượng túi đường là : $200 + 2 \times 100 + 3 \times 50 - 20 = 530\text{g}$	0,25
	b	Thể tích mỗi viên bi là : $(250 - 55) : 5 = 39\text{ cm}^3$	0,25
	c	Mỗi giờ Bình đóng được số kẹo là : $(408 : 8) \times 30 = 1530$ viên Số kẹo của Bình 1530 viên > Số kẹo của An 1410 viên $\Rightarrow$ Bình đóng nhanh hơn	0,25
	d	100^0C ứng với: $22 - 2 = 20\text{ cm}$ $\rightarrow$ 1cm ứng với: $100 : 20 = 5^0\text{C}$ $\Rightarrow$ 20 cm ứng với: $(20 - 2) \times 5 = 90^0\text{C}$	0,25
Câu 2 (1,0 điểm)	a	Sự nóng chảy. Nhiệt độ bên ngoài cao hơn trong tủ lạnh nên kem ở thể rắn sẽ chuyển thành thể lỏng.	0,25
	b	Sự ngưng tụ. Đêm lạnh nhiệt độ giảm hơi nước xung quanh cánh lá chuyển từ thể khí sang thể lỏng thành giọt sương.	0,25
	c	Sự bay hơi. Trong nước biển có rất nhiều muối, ánh nắng	0,25

		mặt trời làm nước biển chuyển từ thể lỏng sang thể khí bay lên để lại muối.	
	d	Sự đông đặc. Nhiệt độ thấp làm nước ở mặt sông, hồ chuyển từ thể lỏng sang thể rắn thành băng.	0,25
Câu 3 (1,0 điểm)		- Nhiệt độ ở TP Hà Nội từ 75,2 ⁰ F đến 89,6 ⁰ F $24^{\circ}\text{C} = 32^{\circ}\text{F} + 24 \cdot 1,8^{\circ}\text{F} = 75,2^{\circ}\text{F}$ $32^{\circ}\text{C} = 32^{\circ}\text{F} + 32 \cdot 1,8^{\circ}\text{F} = 89,6^{\circ}\text{F}$ - Nhiệt độ ở TP Đà Lạt từ 59 ⁰ F đến 73,4 ⁰ F $15^{\circ}\text{C} = 32^{\circ}\text{F} + 15 \cdot 1,8^{\circ}\text{F} = 59^{\circ}\text{F}$ $23^{\circ}\text{C} = 32^{\circ}\text{F} + 23 \cdot 1,8^{\circ}\text{F} = 73,4^{\circ}\text{F}$	0,25 0,25 0,25 0,25

*** Lưu ý:** Học sinh có cách giải khác chính xác, khoa học giám khảo chấm cho điểm tối đa theo thang điểm.

Người ra đề

Nhóm trưởng duyệt

BGH duyệt

Lê Thị Thanh Ngân

Phạm Thị Bích Hồng

Phạm Lan Anh